

**CƠ CHẾ ỨNG PHÓ VỚI TÌNH TRẠNG KHAN HIẾM LƯƠNG THỰC  
CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VÙNG CAO VIỆT NAM VÀ CHDCND LÀO:  
NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ HỢP TÁC NGHIÊN CỨU  
GIỮA VIỆN DÂN TỘC HỌC (VIỆT NAM) VÀ VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ (LÀO)**

PHẠM QUANG HOAN

**1. Giới thiệu**

Trước khi khủng hoảng lương thực xảy ra, trên thế giới có khoảng 800 triệu người còn chưa đủ lương thực chi dùng hàng ngày (World Food Summit, 1996). Đến nay, cùng với việc giá lương thực tăng gấp đôi so với trước năm 2008, an ninh lương thực (food security) càng là vấn đề nóng bỏng, đặc biệt với các dân tộc thiểu số ở vùng cao và những nhóm người chịu thiệt thòi. Tại Việt Nam - đất nước có 50/53 dân tộc thiểu số sống ở vùng cao, mặc dù là nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới, song tình trạng khan hiếm lương thực vẫn còn diễn ra ở các dân tộc thiểu số (UNICEF, 1996; Nguyễn Văn Nam, 1999; MRRD, 2001; Vương Xuân Tinh, 2002a; Bùi Minh Đạo (Chủ biên), 2003). Ở vùng miền núi phía Bắc, có những hộ gia đình của người Hmông thiếu ăn từ 5 đến 6 tháng trong năm (Vuong Xuan Tinh, 2002b). Tại tỉnh Bắc Kạn, có những hộ gia đình dân tộc thiểu số sống ở vùng thấp còn thiếu ăn tới 3-4 tháng/năm (Doi moi in the mountains: land use changes and farmers livelihood strategies in Bac Kan Province, Vietnam, 2004). Với vùng Tây Nguyên, nơi có khả năng sản xuất cây hàng hoá (cà phê, ca cao...), song số gia đình dân tộc sở tại thiếu

ăn từ 2 đến 4 tháng/năm vẫn còn không ít (Vương Xuân Tinh, 2001; Bùi Minh Đạo (Chủ biên), 2003). Còn ở nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, cũng xảy ra tình trạng khan hiếm lương thực. Tuy là nước đã tự túc được về lương thực, song Lào vẫn còn tới 50% số hộ nghèo. Ở một số làng của các dân tộc tại vùng cao, trong một năm, người dân còn thiếu lương thực tới vài tháng. Điều đó dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em và suy giảm sức khoẻ của cả người lớn (ADB, TA No. 5794-REG, *Desk Study*, Lao-PDR, 1999).

Trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến các tộc người thiểu số, Việt Nam và Lào đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn. Song, trong quá trình đổi mới, phát triển và hội nhập hiện nay, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Lào cũng đang đứng trước một số khó khăn, thách thức. Một trong những thách thức cần quan tâm giải quyết, đó là vấn đề an ninh lương thực ở địa bàn vùng cao của hai nước.

Trước tình trạng lương thực như trên, cơ chế ứng phó của các dân tộc thiểu số như thế nào? Các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá và sinh thái ảnh hưởng tới vấn đề an ninh lương thực ra sao? Các dân tộc thiểu số phải

làm gì để đảm bảo an ninh lương thực? Trả lời các câu hỏi này sẽ có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn, không chỉ cho các dân tộc thiểu số, mà còn cho vấn đề đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh của mỗi quốc gia và khu vực.

Để góp phần trả lời những câu hỏi nêu trên, từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 9 năm 2008, Quỹ Rockefeller đã tài trợ cho Viện Dân tộc học Dự án *Cơ chế ứng phó với tình trạng khan hiếm lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao Việt Nam và Lào: Nâng cao năng lực và hợp tác nghiên cứu giữa Viện Dân tộc học (Việt Nam) và Viện Nghiên cứu Văn hoá (Lào)*. Dự án có các mục tiêu chính như sau:

1. Chia sẻ thông tin về vấn đề an ninh lương thực của các dân tộc thiểu số của hai nước.

2. Đào tạo về tri thức liên quan đến an ninh lương thực và kỹ năng nghiên cứu cho các cán bộ trẻ ở Việt Nam và CHDCND Lào.

3. Thực hiện hợp tác nghiên cứu để tìm ra cơ chế ứng phó với tình trạng khan hiếm lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao của hai nước.

4. Xây dựng các khuyến nghị về việc đảm bảo tình trạng an ninh lương thực cho các dân tộc thiểu số ở vùng cao.

5. Chia sẻ kết quả nghiên cứu giữa hai nước, thông qua hội thảo và xuất bản.

Thực hiện Dự án này, có một số câu hỏi nghiên cứu được nêu lên như sau:

1. Thực trạng về nguồn lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao hai nước như thế nào?

2. Trong điều kiện thiếu lương thực, những cơ chế ứng phó với tình trạng này của các nhóm dân tộc thiểu số tại mỗi nước là gì?

3. Liệu có những tương đồng và khác biệt về cơ chế ấy giữa các nhóm dân tộc thiểu số đó không? Nếu có, sự biểu hiện ấy như thế nào?

4. Trong cùng một cộng đồng thuộc mỗi dân tộc, cơ chế ứng phó của các nhóm người khác nhau (giàu/nghèo, già/trẻ, nam/nữ...) giống và khác nhau như thế nào?

5. Yếu tố nào giải thích sự giống và khác nhau về cơ chế ứng phó giữa các cộng đồng thuộc những nhóm dân tộc khác nhau, và giữa các nhóm người khác nhau trong cùng một cộng đồng đó?

## 2. Phương pháp luận

Ở cấp độ hộ gia đình, nghiên cứu tập trung vào 5 loại tài sản/vốn của hộ (sau đây được gọi là các *biến*). Thiếu lương thực có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tới các loại tài sản của hộ và ngược lại.

Biến thứ nhất là *vốn tự nhiên* (natural capital), trong đó chú trọng vào các loại như đất đai, nguồn tài nguyên rừng mà hộ sử dụng, và nguồn vốn này liên quan như thế nào tới điều kiện lương thực của hộ. Khi thiếu lương thực, hộ có thể phải bán hoặc cho thuê một phần hay toàn bộ đất của hộ để lấy tiền. Hộ cũng có thể phải thay đổi hình thức sử dụng đất hiện tại, hoặc phương thức canh tác để giảm mức đầu tư cho sản xuất nông nghiệp. Hộ có thể phải vào rừng khai thác gỗ và sản phẩm phi gỗ để bán. Một số hộ thậm chí phải sử dụng nguồn thức ăn khai thác từ thiên nhiên. Những thay đổi về cách các hộ sử dụng vốn tự nhiên có thể dẫn tới

những hậu quả khác nhau đối với hộ đó. Bán đất canh tác đồng nghĩa với việc hộ không có đất canh tác trong tương lai: điều này đe dọa nghiêm trọng tới sinh kế của hộ. Có thể hộ phải vào rừng khai thác gỗ và các sản phẩm phi gỗ.

Biến thứ hai là *vốn xã hội* (social capital). Nguồn vốn này chủ yếu được xem xét về mối quan hệ gia đình, họ hàng, láng giềng, bạn bè, đồng nghiệp... đã góp phần như thế nào trong đảm bảo nguồn lương thực cho hộ gia đình. Trong điều kiện thiếu lương thực, hộ có thể phải nhờ đến sự giúp đỡ từ mối quan hệ đó. Hình thức giúp đỡ đa dạng, có thể là lương thực hoặc tiền mặt. Với sự giúp đỡ từ người thân hoặc bạn bè, hộ có thể chuyển đi nơi khác, hoặc tới thành phố để kiếm kế sinh nhai. Điều này có thể đem lại cho hộ những hậu quả không lường trước: hộ không có khả năng trả được nợ, hoặc bị rơi vào bẫy nghèo đói.

Biến thứ ba là *vốn con người* (human capital). Nguồn vốn này được tập trung xem xét ở các khía cạnh: trình độ chuyên môn, khả năng lao động, điều kiện giáo dục, tình trạng sức khỏe trong mối quan hệ với nguồn lương thực của hộ. Khi thiếu lương thực, thành viên của hộ có thể phải sử dụng tri thức của mình để kiếm kế sinh nhai, thông qua các công việc khác nhau như làm mộc, thuê thùa, đan lát... Hộ có thể phải bán sức lao động của mình đi làm thuê cho người trong cộng đồng hoặc tại các nơi khác. Một số hộ phải giảm số lượng bữa ăn trong ngày, hoặc giảm hàm lượng dinh dưỡng trong mỗi bữa ăn của gia đình. Hậu quả của những việc làm đó rất nghiêm trọng. Khả năng lao động của hộ bị giảm bởi các công việc mà họ phải làm đòi hỏi sức lực rất lớn. Họ cũng có thể

nhằm phải tệ nạn xã hội ở nơi làm việc. Việc giảm số lượng bữa ăn trong ngày và giảm lượng dinh dưỡng trong mỗi bữa ăn có thể dẫn đến thành viên của hộ gia đình bị mất sức lao động và thiếu hụt các vi khoáng như vitamin A, i-ốt, sắt. Sự thiếu hụt đó gây ra hậu quả nghiêm trọng cho phát triển của trẻ nhỏ như thiếu cân, đần độn, tàn phế hoặc chậm chạp. Việc giảm số lượng bữa ăn trong ngày và chất lượng của mỗi bữa ăn cũng có thể gây ra những căn bệnh không thể dự đoán trước.

Biến thứ tư là *vốn tài chính* (financial capital). Vốn này được xem xét chủ yếu là nguồn thu chi của hộ, trong mối quan hệ với nguồn lương thực. Khi thiếu lương thực, hộ có thể phải tìm nguồn thu nhập thay thế. Hộ có thể phải làm những công việc ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Hộ có thể phải cắt giảm chi tiêu và điều này cũng ảnh hưởng tới một số khía cạnh trong cuộc sống. Ví dụ, do khó khăn về nguồn thu nhập, hộ có thể cắt giảm đầu tư cho học hành của con cái, hoặc thậm chí bắt con cái phải bỏ học. Hộ cũng có thể không có tiền chữa trị bệnh tật cho các thành viên khi bị ốm.

Biến thứ năm là *vốn vật chất* (physical capital). Nguồn vốn này chủ yếu được xem xét về các loại vật dụng có giá trị của hộ như nhà cửa, đồ đạc, phương tiện giao thông hay vận chuyển... Trong điều kiện thiếu lương thực hộ có thể phải cầm cố nhà ở, phương tiện sản xuất hoặc các vật dụng gia đình. Hậu quả của những việc làm như vậy rất lớn. Trong tương lai, hộ có thể sẽ không có nơi ở tốt như nơi cũ. Việc thiếu phương tiện sản xuất sẽ dẫn tới tình trạng năng lực sản xuất của hộ bị ảnh hưởng.

Nghiên cứu này tìm hiểu các thay đổi về tài sản/vốn của hộ gia đình trong điều kiện thiếu lương thực của hộ. Các thay đổi đó được đánh giá trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực đối với việc phát triển kinh tế hộ trong tương lai.

Trong mỗi cộng đồng dân tộc thiểu số được lựa chọn, nghiên cứu tìm hiểu xem cộng đồng đó đã làm cách nào để ứng phó với tình trạng thiếu lương thực. Để làm được điều này, các nhóm hộ khác nhau (giàu và nghèo, nam giới và phụ nữ làm chủ hộ...) đã được lựa chọn và nghiên cứu cụ thể để tìm ra sự giống và khác nhau về cơ chế ứng phó giữa các nhóm hộ đó.

Ở cấp độ cộng đồng, để tìm hiểu sự giống và khác nhau về cơ chế ứng phó của các nhóm dân tộc, nghiên cứu này lựa chọn 2 nhóm tại 2 địa bàn khác nhau của mỗi nước. Nghiên cứu sử dụng ma trận phân tích cùng chung về các chỉ số (ví dụ như sự đa dạng về nguồn thu nhập, di cư...) để so sánh giữa các cộng đồng nhằm tìm ra những mô hình và động lực của sự giống và khác nhau giữa các nhóm.

Nghiên cứu đã tập trung xem trong tình trạng thiếu hụt về lương thực, các nhóm hộ khác nhau và các cộng đồng ở các dân tộc khác nhau thay đổi vốn/tài sản như thế nào để ứng phó với tình trạng đó. Tại mỗi nước, có hai nghiên cứu trường hợp được tiến hành nhằm nắm bắt một cách chính xác điểm mạnh của hộ gia đình là gì, và họ đã làm gì để tồn tại trong tình trạng thiếu hụt về lương thực.

Do nghiên cứu này áp dụng khung phân tích sinh kế bền vững của DFID

(1998), trong đó tập trung vào 5 loại vốn của hộ gia đình, nên đã áp dụng phương pháp tiếp cận đa ngành. Các chuyên gia tham gia nghiên cứu thuộc các chuyên ngành như nhân học, nông học, kinh tế và y tế. Trong phạm vi của Dự án, tất cả các nghiên cứu viên với các chuyên ngành khác nhau đều làm việc cùng nhau trong một nhóm.

### 3. Các điểm nghiên cứu

Điểm nghiên cứu được lựa chọn là cộng đồng làng vùng cao của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và CHDCND Lào. Một trong những tiêu chí đặt ra là chọn dân tộc có đồng tộc sinh sống ở Việt Nam và Lào.

Tại Việt Nam, Dự án lựa chọn 2 điểm nghiên cứu: bản Piêng Phô (dân tộc Thái), thuộc xã Phà Đánh và bản Bình Sơn 1 (dân tộc Khơ-mú), thuộc xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Tại CHDCND Lào, Dự án lựa chọn 2 điểm nghiên cứu: bản Na Toum (dân tộc Thái), thuộc huyện Muong Kham và bản Đin Dăm (dân tộc Khơ-mú), thuộc huyện Nong Hed, tỉnh Xiang Khouang - giáp ranh với tỉnh Nghệ An.

### 4. Những hoạt động chính

Dự án có một số hoạt động chính sau đây:

#### 4.1. Thiết lập nhóm nghiên cứu đa ngành, lựa chọn điểm nghiên cứu

Dự án áp dụng hình thức tiếp cận đa ngành - điều này giúp cho việc tập hợp chuyên gia từ các lĩnh vực khác nhau cùng thực hiện Dự án. Bốn nhóm chuyên ngành chính đã được thiết lập khi bắt đầu thực hiện Dự án:

Thứ nhất, là nhóm nhân học. Thành viên của nhóm này chủ yếu từ Viện Dân tộc học (Việt Nam) và Viện Nghiên cứu Văn hóa (Lào). Nghiên cứu của nhóm tập trung xem xét những khía cạnh văn hóa, xã hội (ví dụ như vốn con người, vốn xã hội) liên quan đến an ninh lương thực của hộ gia đình và cộng đồng.

Thứ hai, là nhóm nông học. Từ khía cạnh kỹ thuật của nông học, nhóm này sẽ đi sâu tìm hiểu các vấn đề liên quan tới hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ (vốn tự nhiên).

Thứ ba, là nhóm kinh tế. Với chuyên môn kinh tế nông nghiệp, thành viên của nhóm tập trung tìm hiểu về thu chi của hộ gia đình trong một năm, và đặc biệt khi hộ thiếu lương thực; lượng hóa được hộ gia đình thay đổi hình thức/số lượng thu chi của mình như thế nào trong những lúc thiếu lương thực.

Thứ tư, là nhóm y tế. Thành viên của nhóm này bao gồm các bác sĩ, những người có kinh nghiệm đối với các loại bệnh tật khác nhau do thiếu lương thực. Chuyên gia về y tế của nhóm có nhiệm vụ đánh giá tình trạng dinh dưỡng và mối quan hệ của sức khỏe với an ninh lương thực của hộ gia đình và cộng đồng được nghiên cứu.

Mỗi nhóm chuyên môn được một nhà nghiên cứu có kinh nghiệm phụ trách. Cả bốn nhóm do Ban quản lý Dự án điều phối.

Sau khi thiết lập các nhóm nghiên cứu, đến tháng 3 năm 2006, cả Lào và Việt Nam đều lựa chọn được các điểm nghiên cứu đúng như tiêu chí đề ra.

#### **4.2. Tổ chức Hội thảo triển khai Dự án**

Tháng 5 năm 2006, Hội thảo triển khai Dự án đã được tổ chức tại Viên Chăn (Lào), với sự tham gia của 5 thành viên của Việt Nam (đại diện Ban quản lý Dự án và các tư vấn về nhân học và nông học); của các thành viên Dự án của Lào và đại diện văn phòng Quỹ Rockefeller tại Thái Lan. Mục tiêu của hội thảo là xác định nội dung nghiên cứu, thảo luận kế hoạch triển khai Dự án.

#### **4.3. Tập huấn**

Kết hợp với Hội thảo triển khai Dự án, các chuyên gia Việt Nam của Dự án đã tiến hành tập huấn cho cán bộ Dự án của Lào về các vấn đề lý thuyết liên quan đến an ninh lương thực, về phương pháp và kỹ năng nghiên cứu (quan sát tham dự, vẽ bản đồ tham dự, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, thu thập tài liệu thứ cấp, so sánh số liệu và kỹ năng viết báo cáo...). Sau đó, một khoá tập huấn tương tự cũng được thực hiện ở Hà Nội với nhóm nghiên cứu của Việt Nam.

#### **4.4. Nghiên cứu tài liệu và nghiên cứu thực địa**

Từ tháng 8 năm 2006 đến tháng 2 năm 2007, các nghiên cứu tài liệu và nghiên cứu thực địa đã được tiến hành ở cả hai nước. Các nhóm nghiên cứu đã thu thập, xử lý nguồn tài liệu thứ cấp, gồm các văn bản về chính sách, các sách, báo, tạp chí, tài liệu dự án, báo cáo về tình hình kinh tế-xã hội tại địa phương liên quan đến an ninh lương thực.

Khi nghiên cứu tại thực địa, ở cấp độ hộ gia đình, Dự án tiến hành điều tra bằng bảng hỏi để tìm hiểu tình trạng thiếu lương thực của hộ như thế nào và các tác động của

tình trạng đó tới 5 loại tài sản của hộ ra sao. Điều tra cũng tìm hiểu các mô hình về cơ chế ứng phó của hộ với tình trạng thiếu lương thực. Ngoài điều tra bằng bảng hỏi, một số hộ gia đình cũng được lựa chọn để phỏng vấn sâu nhằm tìm ra các nét tương đồng và khác biệt về cơ chế ứng phó giữa các nhóm hộ trong cộng đồng, đặc biệt là các động lực dẫn đến sự khác biệt và tương đồng đó. Hộ gia đình được lựa chọn theo các tiêu chí khác nhau về giàu nghèo; và trong mỗi loại hộ, còn được xem xét sự khác nhau về cơ chế ứng phó với tình trạng thiếu lương thực của nam giới và nữ giới.

Ở cấp cộng đồng, Dự án đã tiến hành thảo luận nhóm. Các nhóm được lựa chọn bao gồm nhóm hỗn hợp, nhóm nam giới và nhóm nữ giới. Trong thảo luận nhóm, Dự án sử dụng một số công cụ trong PRA như lịch mùa vụ, bản đồ cộng đồng, dòng lịch sử, ma trận cho điểm... nhằm tìm hiểu về tình trạng lương thực và cách thức ứng phó với nạn thiếu lương thực.

#### ***4.5. Trình bày kết quả nghiên cứu tại hội thảo cấp huyện (tỉnh), cấp quốc gia và khu vực***

Số liệu thu thập được từ nguồn tài liệu thứ cấp, PRA, phỏng vấn và điều tra hộ tại mỗi điểm của Dự án đã được xử lý và phân tích. Những kết quả ban đầu được trình bày tại hội thảo nhỏ ở cấp tỉnh (Lào) hoặc cấp huyện (Việt Nam) (tháng 7 và tháng 9 năm 2007) nhằm thu thập thông tin phản hồi từ những người tham gia. Kết quả trình bày tại hội thảo là báo cáo tổng hợp mô tả và phân tích tình hình an toàn lương thực của hộ, cơ chế ứng phó khác nhau của

các nhóm hộ trong cộng đồng được nghiên cứu và cơ chế ứng phó với tình trạng thiếu lương thực cũng như các yếu tố dẫn đến sự khác nhau của cơ chế đó. Tham gia hội thảo có lãnh đạo địa phương từ cấp tỉnh, huyện và xã; thành viên của các tổ chức cung cấp hàng hóa và dịch vụ (trồng trọt, chăn nuôi, khuyến nông...) và người dân địa phương. Thông tin phản hồi từ những người tham gia là nguồn tài liệu quan trọng để kiểm chứng những kết quả ban đầu của Dự án, cũng như làm cơ sở cho việc so sánh giữa các cộng đồng sau này.

Tại CHDCND Lào, các báo cáo hoàn thành sau hội thảo cấp tỉnh được trình bày ở hội thảo quốc gia tại Viên Chăn (tháng 8 năm 2007). Trong hội thảo này, có nhiều thành phần tham dự, trong đó có cả những nhà hoạch định chính sách, để thông tin và chia sẻ về tình hình an ninh lương thực và các bài học về cơ chế ứng phó với tình trạng khan hiếm lương thực của các dân tộc thiểu số. Các góp ý của những người tham gia đã làm phong phú hơn kết quả nghiên cứu.

Tại Việt Nam, hội thảo quốc gia được kết hợp với hội thảo quốc gia của Dự án *Cơ chế ứng phó với tình trạng khan hiếm lương thực của 3 dân tộc thiểu số: Nghiên cứu trường hợp ở vùng cao Việt Nam* - cũng do Quỹ Rockefeller tài trợ, có cùng lý thuyết và khung phân tích với Dự án này (tháng 9 năm 2007).

Hội thảo khu vực được tổ chức tại Hà Nội, Việt Nam (tháng 10 năm 2007) để trình bày kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học hai nước. Tham gia Hội thảo, ngoài các thành viên Dự án, còn có cán bộ

của một số viện nghiên cứu, đại diện của một số tổ chức của Chính phủ Việt Nam và các đối tác liên quan. Tại Hội thảo, các đại biểu đã trao đổi, thảo luận về các vấn đề liên quan đến tình trạng khan hiếm lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao Việt Nam và Lào, từ đó đề xuất những vấn đề then chốt, những kiến nghị và giải pháp có giá trị khoa học và thực tiễn nhằm góp phần giải quyết khó khăn về an ninh lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao hai nước.

#### **4.6. Công bố các kết quả nghiên cứu trên số chuyên đề của Tạp chí Dân tộc học**

Sau khi bổ sung góp ý từ Hội thảo, các báo cáo của Dự án đã được hoàn thiện và công bố trên Tạp chí Dân tộc học, cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. ADB, TA No. 5794-REG, *Desk Study*, Lao-PDR (1999).
2. Bùi Minh Đạo (Chủ biên) (2003), *Một số vấn đề về xóa đói giảm nghèo của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. *Doi moi in the mountains: land use changes and farmers livelihood strategies in Bac Kan Province, Vietnam* (2004), Agricultural Publishing House, Hanoi.
4. *Kết quả điều tra mức sống dân cư năm 2002* (2003), Nxb Thống kê.
5. MARD (2001), *The state of food security in Vietnam: Progress since the 1996 world food summit: Key indicator*, Hanoi.
6. Nguyễn Văn Nam (1999), An ninh lương thực ở Việt Nam: Thực trạng và những vấn đề đặt ra, *Tạp chí Kinh tế nông nghiệp*, Số 5.
7. Vương Xuân Tình (2001), An toàn lương thực của người Rơ măm, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 3-17.
8. Vương Xuân Tình (2002a), “An toàn lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao Việt Nam dưới tác động của yếu tố xã hội và văn hoá, trong: Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường, *Phát triển bền vững ở miền núi Việt Nam: 10 năm nhìn lại và các vấn đề đặt ra*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
9. Vương Xuân Tình (2002b), *Looking for food: The difficult journey of the Hmong in Vietnam*, Working paper, Land Tenure Center, Wisconsin-Madison University, USA.
10. UNICEF (1996), *Household food security project: Report of the evaluation mission*, Hanoi.
11. World Food Summit 1996, [http://www.fao.org/wfs/index\\_en.htm](http://www.fao.org/wfs/index_en.htm)